

Số: 20/NQ-HĐND

Đông Hưng, ngày 19 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt danh mục dự án sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa
trên địa bàn xã Đông Hưng năm 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG HUNG
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật các tổ chức tín dụng ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 26/4/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 66.3/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ tháo gỡ, xử lý vướng mắc để triển khai các dự án trong thời gian Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 chưa được phê duyệt điều chỉnh;

Căn cứ Quyết định 1483/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh Thái Bình phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Đông Hưng;

Căn cứ Quyết định số 1510/QĐ-UBND ngày 14/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt đồ án Quy hoạch chung mở rộng thị trấn Đông Hưng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình đến năm 2035;

Căn cứ Thông báo số 125 TB/ĐU ngày 12/12/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy kết luận tại phiên họp ngày 12/12/2025;

Xét Tờ trình số 93/TTr-UBND ngày 12/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã Đông Hưng về thông qua danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất năm 2026; Báo cáo

thăm tra số 25/BC-KTNS ngày 16/12/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt danh mục dự án sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa xã Đông Hưng năm 2026

(Chi tiết theo phụ biểu kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Hội đồng nhân dân xã giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Đông Hưng, Khóa I Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực kể ngày Hội đồng nhân dân xã thông qua./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

[Signature]

Phí Ngọc Thành

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ ĐÔNG HƯNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH MỤC

**Dự án sử dụng đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa
trên địa bàn xã Đông Hưng năm 2026**

(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của HĐND xã Đông Hưng)

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Địa điểm thực hiện	Diện tích đất sử dụng (ha)				Ghi chú
				Tổng diện tích	Trong đó lấy từ loại đất			
					Trồng lúa	Đất ở	Đất khác	
	Tổng			168.74	142.31	0.87	25.56	
I	Đất Cùm Công Nghiệp	SKN		65.88	57.90	0.08	7.90	
1	CCN Đông La	SKN	Thuần Tuý	31.30	27.77	0.01	3.52	
2	CCN Nguyên Xá	SKN	Bắc Lạng	27.77	24.13	0.07	3.57	
3	CCN Đông Các	SKN	Nam Quán	6.81	6.00	0.00	0.81	
II	Đất ở tại nông thôn	ONT		68.52	54.80	0.22	13.50	
1	KDC Đông Hợp	ONT	Phong Lôi Đông	11.21	7.12	0.22	3.87	
2	Đất ở nông thôn	ONT	Phong Lôi Đông, Phong Lôi Tây	1.50	1.35	0.00	0.15	
3	Đất ở nông thôn	ONT	Bắc Lạng	1.50	1.30	0.00	0.20	
4	Quy hoạch khu dân cư phía Tây sông Thống nhất	ONT	Đông Khê, Phan Thanh	25.05	23.04	0.00	2.01	
5	KĐT mới Đông các	ONT	Bắc Lịch Động, Nam Hải, Nam Lịch Động	9.99	8.89	0.00	1.10	
6	Đất ở nông thôn (HH9)	ONT	Bắc Lịch Động, Trung Lịch Động	10.00	9.00	0.00	1.00	
7	Đất ở tại nông thôn	ONT	Bảo Châu, Đồng Vi	3.20	2.10	0.00	1.10	
8	Đất ở tại nông thôn	ONT	Đông Sơn	2.50	2.00	0.00	0.50	
9	Quy hoạch dân cư	ONT	Thôn 4	0.90		0.00	0.90	
10	Quy hoạch dân cư	ONT	Thôn 4	2.30		0.00	2.30	
11	Quy hoạch dân cư	ONT	Thôn 4	0.24		0.00	0.24	
12	Quy hoạch dân cư	ONT	Thôn 4	0.13		0.00	0.13	
III	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH		0.06	0.03	0.00	0.03	
	Mở rộng nhà múa rối nước thủy đình	DVH	Đông Các	0.06	0.03	0.00	0.03	
IV	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT		0.57	0.00	0.00	0.57	

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Địa điểm thực hiện	Diện tích đất sử dụng (ha)				Ghi chú
				Tổng diện tích	Trong đó lấy từ loại đất			
					Trồng lúa	Đất ở	Đất khác	
	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	Cổ Dũng 1	0.57	0.00		0.57	
V	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD		6.71	5.00	0.00	1.71	
1	Mở rộng trường tiểu học	DGD	Thôn 4	0.30		0.00	0.30	
2	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD		6.00	5.00	0.00	1.00	
3	Mở rộng trường THCS	DGD	Đông Các	0.41	0.00	0.00	0.41	
VI	Đất công trình giao thông	DGT		12.94	11.50	0.50	0.94	
1	Cải tạo, nâng cấp đường ĐH.45 đoạn từ cầu Nguyễn cũ đến đường ĐH45B (1.5 ha)	DGT	Cổ Dũng 2, Thuận Tuý	1.50	0.50	0.50	0.50	
2	Đầu tư XD tuyến đường từ QL10 đến đường TB-Cầu Nghìn	DGT		4.00	3.90		0.10	
3	Đường từ BCHQS huyện đến cầu Bái	DGT	Tây Quốc Lộ 10, Phong Lôi Đông	6.84	6.50	0.00	0.34	
4	Đường giao thông từ cầu K40 đến ban CHQH huyện ĐH	DGT	Bắc Lạng	0.60	0.60	0.00	0.00	
VII	Đất công trình thủy lợi	DTL		4.78	4.71	0.07	0.00	
1	Nạo vét và kè hai bên sông Thống Nhất từ cống Nguyễn Xá đến Âu K35 (4ha)	DTL		4.78	4.71	0.07	0.00	
VIII	Đất công trình xử lý chất thải	DRA		0.50	0.50	0.00	0.00	
1	QH mở rộng bãi rác	DRA		0.50	0.50	0.00	0.00	
IX	Mở rộng khu rác thải tập trung xã	DRA		0.43	0.00	0.00	0.43	
1	Mở rộng bãi rác thôn Tân Sơn	DRA	Tân Sơn	0.13		0.00	0.13	
2	Mở rộng bãi rác thôn Nam	DRA	Thôn Nam	0.30		0.00	0.30	
X	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL		2.38	2.17	0.00	0.21	
1	Triển khai tự động hóa mạch vòng lưới điện trung áp khu vực tỉnh Thái Bình năm 2024	DNL	Đà Giang	0.06	0.05	0.00	0.01	
2	Cải tạo đường dây 110kV 176 E3.3 Long Bối - 172 E11.2 Thái	DNL		1.40	1.20		0.20	

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Địa điểm thực hiện	Diện tích đất sử dụng (ha)				Ghi chú
				Tổng diện tích	Trong đó lấy từ loại đất			
					Trồng lúa	Đất ở	Đất khác	
	Thủy							
3	Cải tạo đường dây 110kV từ TBA 220kV Thái Bình - Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	DNL	Phong Lô Đông	0.90	0.90	0.00	0.00	
4	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện lưới điện trung áp khu vực huyện Đông Hưng theo phương án đa chia - đa nối (MDMC) năm 2024.	DNL	Đà Giang	0.02	0.02	0.00	0.00	
XI	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH		0.12	0.00	0.00	0.12	
1	Chợ thôn Trung	DCH	Thôn Trung	0.12		0.00	0.12	
XII	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV		0.20	0.15	0.00	0.05	
1	Hội trường TDP	DKV	Thôn 4	0.05		0.00	0.05	
2	Hội trường thôn	DKV	Trần Phú	0.05	0.05	0.00	0.00	
3	Hội trường các thôn	DKV	Đồng Lê, Đồng Vi	0.10	0.10	0.00	0.00	
XIII	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ...	NTD		1.80	1.80	0.00	0.00	
1	Mở rộng nghĩa trang Ngã Năm	NTD	Bắc Lạng	0.50	0.50	0.00	0.00	
2	Mở rộng nghĩa trang Đà Giang	NTD	Đà Giang	0.50	0.50	0.00	0.00	
3	MR Nghĩa trang thôn Anh Dũng	NTD	Anh Dũng	0.50	0.50	0.00	0.00	
4	MR nghĩa trang nghĩa địa	NTD	Thuần Tuý	0.30	0.30	0.00	0.00	
XIV	Đất thương mại dịch vụ	TMD		1.85	1.75	0.00	0.10	
1	Cây xăng	TMD	Bảo Châu	0.25	0.15	0.00	0.10	
2	Khu thương mại dịch vụ	TMD	Đồng Vi	1.00	1.00	0.00	0.00	
3	Khu thương mại dịch vụ	TMD	Đồng Lê	0.60	0.60	0.00	0.00	
XV	Đất nông nghiệp khác	NKH		2.00	2.00	0.00	0.00	
1	Đất nông nghiệp khác	NKH		2.00	2.00	0.00	0.00	